

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN TỔ CHỨC
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC: 2025 – 2026

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	VIE428	Âm nhạc Việt Nam	3
2	INT325	An toàn mạng máy tính	3
3	INT328	An toàn mạng máy tính nâng cao	3
4	BIO313	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2
5	TRA408	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3
6	HOS318	Báo cáo chuyên đề 1	1
7	HOS452	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3
8	MMC303	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1
9	BUS410	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - KDTM	1
10	MAR404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1
11	PRO402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTDA	1
12	MAN404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1
13	HUR416	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Quản trị nhân lực	1
14	ECO415	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1
15	FIN432	Bảo hiểm	3
16	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	2
17	INT4409	Bảo mật web và ứng dụng	3
18	ENG338	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2
19	ENG495	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2
20	JAP402	Biên phiên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật	2
21	JAP401	Biên phiên Nhật Việt - Việt Nhật	2
22	GRA422	Biên tập phim (Premiere)	3
23	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3
24	ART377	Biểu diễn ban nhạc	2
25	PSY417	Các liệu pháp trị liệu tâm lý	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
26	TRA410	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	3
27	SOS203	Các nền văn minh thế giới	3
28	PUR433	Các thể loại báo chí	2
29	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3
30	ELE302	CAD cho điện tử	2
31	INT321	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
32	NUR448	Chăm sóc bệnh nhân Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền	2
33	NUR442	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, hoặc đang cho con bú	2
34	NUR444	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2
35	BUS412	Chiến lược định giá	3
36	ECO419	Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	2
37	MAR435	Chiến lược và chính sách giá	3
38	INR305	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2
39	SOC301	Chính sách xã hội	2
40	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
41	INT314	Cơ sở dữ liệu	2
42	INT323	Cơ sở dữ liệu	4
43	INT4011	Cơ sở dữ liệu phân tán	3
44	LIT426	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2
45	FOT447	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm và thực hành	3
46	INT4121	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3
47	TRA434	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2
48	FOT424	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2
49	FOT438	Công nghệ chế biến rau quả	3
50	FOT448	Công nghệ chế biến thực phẩm	3
51	BIO448	Công nghệ Enzyme	2
52	FOT449	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3
53	FOT450	Công nghệ sản xuất rượu, bia và nước giải khát	3
54	FOT434	Công nghệ sau thu hoạch	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
55	BIO316	Công nghệ sinh học đại cương và ứng dụng	3
56	VIE403	Đại cương văn học viết Việt Nam	3
57	ENG339	Đàm phán quốc tế	3
58	FOT452	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3
59	HUR404	Đánh giá và phát triển nhân viên	3
60	CTE402	Đạo diễn điện ảnh và chương trình truyền hình	2
61	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR	2
62	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh	3
63	CHI453	Đất nước học Trung Quốc	2
64	ELE539	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12
65	FIN447	Đầu tư tài chính	3
66	INT201	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3
67	COE303	Địa chất công trình	3
68	JAP424	Địa lý dân cư và kinh tế Nhật Bản	2
69	TOU301	Địa lý du lịch Việt Nam	3
70	ORI308	Địa lý và dân cư Trung Quốc	2
71	HOS410	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3
72	TRA413	Điện dã lữ hành	1
73	INT4131	Điện toán đám mây	3
74	ELE329	Điện tử số	3
75	ELE337	Điện tử tương tự	4
76	NUR428	Điều dưỡng cơ bản 1	2
77	FOT435	Dinh dưỡng	2
78	NUR415	Dinh dưỡng	2
79	HOS412	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	3
80	FIN407	Định giá doanh nghiệp	3
81	ELE422	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2
82	ELE305	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2
83	MMC426	Đồ án Công nghệ truyền thông	3
84	MMC416	Đồ án sản xuất phim và quảng cáo	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
85	GRA407	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3
86	GRA414	Đồ họa động (After Effects)	3
87	ELE334	Đo lường và thiết bị đo	3
88	TRA412	Du lịch sinh thái	2
89	MAR405	E - Marketing	3
90	PHT121	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1
91	PHT120	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1
92	PHT122	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1
93	PHT124	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1
94	PHT106	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1
95	PHT110	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1
96	PHT108	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1
97	PHT107	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1
98	PHT109	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1
99	PHT112	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1
100	PHT111	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1
101	PHT119	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1
102	PHT114	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1
103	PHT113	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1
104	PHT115	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1
105	PHT117	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1
106	PHT126	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1
107	MAR438	Giải trí và truyền thông	3
108	BUS440	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	3
109	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1
110	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1
111	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1
112	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3
113	ENG415	Giao tiếp thương mại 2	3
114	BUS417	Hành vi tổ chức	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
115	MMC415	Hậu kỳ kỹ thuật số	3
116	INT416	Hệ điều hành	2
117	INT4403	Hệ điều hành Linux	3
118	INT4408	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
119	ACC404	Hệ thống thông tin kế toán	3
120	INT4031	Hệ thống thông tin quản lý	3
121	INT4071	Hệ thống thương mại điện tử	3
122	ELE327	Hệ thống viễn thông	2
123	GRA418	Hình họa	3
124	ART371	Hòa âm 1	2
125	NAS309	Hóa sinh đại cương	2
126	FOT317	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3
127	CTE408	Hóa trang điện ảnh, truyền hình	2
128	PUR448	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2
129	HUR406	Hoạch định và tuyển dụng nhân viên	3
130	SOS304	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3
131	ART422	Hợp xướng 1	2
132	CHI454	HSK cao cấp	2
133	MAR431	Kế hoạch truyền thông Marketing	3
134	ACC438	Kế toán chi phí	3
135	ACC425	Kế toán ngân hàng	3
136	ACC409	Kế toán quản trị	3
137	ACC439	Kế toán quốc tế	3
138	ACC435	Kế toán tài chính	3
139	ACC437	Kế toán tài chính chuyên sâu	3
140	INT4181	Khai phá dữ liệu	3
141	TRA407	Khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch	3
142	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3
143	INT4741	Kiểm thử phần mềm	3
144	ACC413	Kiểm toán nâng cao	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
145	ACC421	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1
146	INT304	Kiến trúc máy tính	2
147	TRA416	Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam	3
148	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
149	ECO318	Kinh tế công	3
150	ECO201	Kinh tế học đại cương	3
151	ECO302	Kinh tế lượng	3
152	ECO321	Kinh tế môi trường	3
153	ECO320	Kinh tế quốc tế	3
154	ECO303	Kinh tế vi mô	3
155	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3
156	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3
157	INT587	KLTN Công nghệ thông tin	12
158	INT588	KLTN Khoa học máy tính	12
159	ECO509	KLTN Thương mại điện tử	12
160	LIT547	KLTN Văn học	12
161	ENG337	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh	3
162	NUR427	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2
163	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3
164	JAP352	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	2
165	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3
166	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3
167	LIT430	Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên	2
168	PSY420	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3
169	SOC417	Kỹ năng viết báo	3
170	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ	2
171	NUR407	Kỹ sinh trùng	2
172	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	3
173	FOT436	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2
174	CTE401	Kỹ thuật diễn xuất	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
175	ART379	Kỹ thuật sản xuất MV âm nhạc	2
176	FOT442	Kỹ thuật sấy	3
177	MAR434	Kỹ thuật SEO	3
178	FOT303	Kỹ thuật thực phẩm 1	2
179	MMC414	Kỹ thuật trường quay	2
180	ELE330	Kỹ thuật vi điều khiển	4
181	ART316	Kỹ xương âm 1	3
182	ART320	Kỹ xương âm 3	3
183	INT324	Lập trình C++	3
184	INT4404	Lập trình C++ nâng cao	3
185	INT4406	Lập trình hướng đối tượng	3
186	INT322	Lập trình Java	3
187	INT4402	Lập trình Java nâng cao	3
188	INT4861	Lập trình mạng	3
189	INT4421	Lập trình nhúng	3
190	ELE328	Lập trình nhúng trên FPGA	3
191	INT4211	Lập trình trên các thiết bị di động	4
192	INT4791	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	4
193	INT4407	Lập trình web	3
194	INT4241	Lập trình web nâng cao	3
195	INT4419	Lập trình Windows	3
196	LAW421	Lập và quản lý dự án đầu tư	3
197	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
198	ART428	Lịch sử nghệ thuật chuyên ngành (Piano)	2
199	KOR319	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2
200	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	2
201	VIE427	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3
202	ELE326	Linh kiện điện tử	3
203	LAW305	Luật công chứng và chứng thực	2
204	LAW430	Luật dân sự	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
205	LAW424	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	3
206	LAW405	Luật doanh nghiệp	3
207	TOU309	Luật du lịch	2
208	LAW304	Luật hiến pháp	2
209	LAW432	Luật hôn nhân gia đình	2
210	LAW443	Luật kinh doanh	3
211	LAW425	Luật kinh doanh bảo hiểm	2
212	LAW426	Luật kinh tế	3
213	PSY450	Luật lao động	3
214	LAW408	Luật môi trường	3
215	LAW442	Luật phá sản	3
216	LAW433	Luật tài sản	3
217	LAW423	Luật thương mại	3
218	LAW409	Luật thương mại điện tử	2
219	BUS432	Luật thương mại quốc tế	3
220	LAW431	Luật tố tụng dân sự	3
221	LAW436	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2
222	ENG418	Lý thuyết biên phiên dịch	3
223	JAP428	Lý thuyết dịch	2
224	ECO426	Lý thuyết Kinh tế số	3
225	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3
226	ELE308	Mạch điện	3
227	INT4401	Mạng máy tính	3
228	MAR407	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3
229	MAR201	Marketing căn bản	3
230	MAR409	Marketing dịch vụ	3
231	MAR412	Marketing mối quan hệ	3
232	MAR414	Marketing quốc tế	3
233	MAR416	Marketing truyền thông xã hội	3
234	INT4891	Mật mã học	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
235	COE313	Mô hình thông tin xây dựng (BIM)	3
236	NAS101	Môi trường và con người	3
237	ART380	Mỹ học âm nhạc	2
238	SOS206	Mỹ học đại cương	3
239	FRE311	Nghe - nói 4	3
240	ENG332	Nghe - nói trong thương mại 2	2
241	TRA417	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống	3
242	GRA419	Nghệ thuật chữ và trang trí	3
243	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo	3
244	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3
245	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2
246	ECO314	Nghiên cứu marketing	3
247	PUR439	Nghiên cứu thị trường	3
248	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3
249	HOS408	Nghiệp vụ buồng	3
250	MMC413	Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản	3
251	SUC407	Nghiệp vụ hải quan	3
252	TRA302	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3
253	ENG345	Nghiệp vụ ngoại giao	2
254	CTE412	Nghiệp vụ quay phim 1	2
255	BUS439	Nghiệp vụ thương mại quốc tế	3
256	CUL301	Ngoại giao văn hóa	3
257	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	3
258	ENG491	Ngôn ngữ học ứng dụng	2
259	ENG489	Ngữ âm - Âm vị học	2
260	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	2
261	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3
262	ENG490	Ngữ nghĩa học	2
263	ACC202	Nguyên lý kế toán	3
264	LIT304	Nguyên lý lý luận văn học	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
265	KOR331	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	2
266	SOC304	Nhập môn Công tác xã hội	2
267	FRE301	Nhập môn ngành	2
268	INT306	Nhập môn ngành	2
269	ART382	Nhập môn ngành CNĐATH	2
270	BIO311	Nhập môn ngành Công nghệ sinh học	2
271	FIN309	Nhập môn ngành Công nghệ tài chính	2
272	FOT301	Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm	2
273	NUR301	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2
274	ORI301	Nhập môn ngành Đông Phương học	2
275	ACC302	Nhập môn ngành Kế toán	2
276	INT319	Nhập môn ngành Khoa học máy tính	2
277	AUD301	Nhập môn ngành Kiểm toán	2
278	BUS304	Nhập môn ngành Kinh doanh thương mại	2
279	ECO308	Nhập môn ngành Kinh tế	2
280	ELE311	Nhập môn ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2
281	ENE301	Nhập môn ngành Kỹ thuật môi trường	2
282	COE301	Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng	2
283	SUC301	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2
284	LAW301	Nhập môn ngành Luật	2
285	MAR302	Nhập môn ngành Marketing	2
286	ENG301	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2
287	JAP303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2
288	CHI332	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2
289	ART364	Nhập môn ngành Piano	2
290	PUR303	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2
291	INR301	Nhập môn ngành Quan hệ quốc tế	2
292	PRO301	Nhập môn ngành Quản trị dự án	2
293	MAN302	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2
294	HUR303	Nhập môn ngành Quản trị nhân lực	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
295	FIN302	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2
296	PSY304	Nhập môn ngành Tâm lý học	2
297	ART365	Nhập môn ngành Thanh nhạc	2
298	ECO305	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2
299	MMC301	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2
300	LIT307	Nhập môn ngành Văn học	2
301	VIE301	Nhập môn ngành Việt Nam học	2
302	SOC305	Nhập môn ngành Xã hội học	2
303	GRA310	Nhiếp ảnh & Quay phim	3
304	SOC418	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	2
305	HOS418	Nhượng quyền thương mại	3
306	ART319	Phân tích âm nhạc	2
307	FIN412	Phân tích báo cáo tài chính	3
308	ECO329	Phân tích chính sách	3
309	ENG492	Phân tích diễn ngôn	2
310	ECO420	Phân tích dữ liệu cho marketing điện tử	3
311	PUR449	Phân tích nội dung truyền thông	2
312	CTE407	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 2	2
313	INT4271	Phân tích thiết kế hệ thống	5
314	FOT312	Phân tích thực phẩm	3
315	LAW101	Pháp luật đại cương	3
316	BUS424	Pháp luật trong kinh doanh	3
317	LAW420	Pháp luật về cạnh tranh	2
318	LAW435	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2
319	LAW422	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3
320	LAW406	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3
321	LAW434	Pháp luật về thừa kế	2
322	PUR421	Pháp luật về truyền thông	2
323	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức	2
324	SOC306	Phát triển cộng đồng	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
325	TOU302	Phát triển du lịch bền vững	2
326	INT4721	Phát triển mã nguồn mở	3
327	MAR429	Phát triển sản phẩm	3
328	BIO317	Phát triển sản phẩm sinh học và thực phẩm	3
329	GRA426	Phát triển ý tưởng sáng tạo	4
330	JAP489	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2
331	PUR444	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2
332	SKL101	Phương pháp học đại học	3
333	SOC453	Phương pháp nghiên cứu định tính	4
334	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
335	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3
336	BUS309	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3
337	ENG343	Phương pháp quản lý lớp học	2
338	ART430	Piano 1	3
339	ART432	Piano 3	3
340	ART434	Piano 5	3
341	ART436	Piano 7	3
342	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2
343	PUR410	Quan hệ công chúng	3
344	SOS305	Quan hệ quốc tế	3
345	INR407	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	2
346	TOU303	Quản lý chất lượng dịch vụ	2
347	FOT453	Quản lý chất lượng thực phẩm	2
348	HOS420	Quản lý doanh thu và chi phí	3
349	INT4771	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3
350	SOC309	Quản lý dự án xã hội	2
351	TOU425	Quản lý du lịch cộng đồng	2
352	MAN406	Quản trị bán hàng	3
353	HOS433	Quản trị bán hàng trong du lịch	3
354	MAN409	Quản trị chiến lược	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
355	TOU418	Quản trị chiến lược trong du lịch	3
356	MAN410	Quản trị dịch vụ	3
357	HOS302	Quản trị dịch vụ ăn uống	3
358	HOS423	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí và chăm sóc sức khỏe	3
359	TRA421	Quản trị điểm đến	3
360	MAN412	Quản trị dự án đầu tư	3
361	TRA419	Quản trị du lịch di sản	2
362	TOU427	Quản trị du lịch MICE	3
363	INT327	Quản trị hệ thống mạng	3
364	MAN201	Quản trị học	3
365	SUC409	Quản trị kênh phân phối	3
366	LOG402	Quản trị kho hàng	3
367	HOS424	Quản trị Khu du lịch	3
368	TRA304	Quản trị kinh doanh lữ hành	2
369	LOG401	Quản trị Logistics	3
370	SUC410	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3
371	MAR418	Quản trị marketing	3
372	ECO315	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3
373	FIN414	Quản trị ngân hàng thương mại	3
374	TOU428	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	2
375	HUR408	Quản trị nhân sự	3
376	ECO427	Quản trị nhân sự quốc tế	3
377	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3
378	HOS426	Quản trị quầy rượu và dịch vụ đồ uống	3
379	TRA312	Quản trị sự kiện	3
380	TOU429	Quản trị sự kiện Văn hóa - Thể thao trong du lịch	3
381	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3
382	FIN417	Quản trị tài chính	3
383	MAR420	Quản trị thương hiệu	3
384	PUR412	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
385	MAN417	Quản trị trong môi trường đa văn hóa	3
386	MAR421	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3
387	MAN418	Quản trị vận hành	3
388	BUS436	Quản trị xuất nhập khẩu	3
389	MAR422	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3
390	MAR403	Quảng cáo	2
391	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh	2
392	BIO309	Sinh học phân tử	3
393	BIO409	Sinh học về Protein	2
394	NUR409	Sinh lý bệnh	2
395	BIO467	Sinh tin học	3
396	ACC442	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3
397	FIN435	Tài chính doanh nghiệp	3
398	FIN446	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3
399	TOU304	Tâm lý du khách	2
400	PSY201	Tâm lý học đại cương	3
401	PSY309	Tâm lý học giao tiếp	2
402	PSY310	Tâm lý học giới tính	2
403	PSY451	Tâm lý học lao động	3
404	PSY312	Tâm lý học phát triển	3
405	PSY431	Tâm lý học quản trị nhân sự	3
406	PSY432	Tâm lý học tham vấn	3
407	MMC304	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3
408	PSY313	Tâm lý học xã hội	3
409	BIO410	Tế bào học	3
410	NUR449	TH Chăm sóc bệnh nhân Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền	1
411	INT308	TH Cơ sở dữ liệu	1
412	NUR429	TH Điều dưỡng cơ bản 1	1
413	NUR416	TH Dinh dưỡng	1
414	NUR408	TH Ký sinh trùng	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
415	NUR410	TH Sinh lý bệnh	1
416	MMC404	TH Thiết kế web	2
417	NUR406	TH Vi sinh	1
418	NUR418	TH Y học cổ truyền	1
419	ECO327	Thẩm định giá bất động sản	3
420	FIN425	Thẩm định tín dụng	3
421	ART445	Thanh nhạc 1	3
422	ART458	Thanh nhạc 3	3
423	ART460	Thanh nhạc 5	3
424	ART462	Thanh nhạc 7	3
425	FIN424	Thanh toán quốc tế	3
426	PUR430	Thể hiện ý tưởng	2
427	FIN427	Thị trường tài chính	3
428	GRA423	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3
429	GRA421	Thiết kế đồ họa 2D	4
430	GRA424	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4
431	GRA403	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3
432	GRA404	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3
433	GRA409	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3
434	GRA425	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3
435	INT4621	Thiết kế mạng	3
436	TRA307	Thiết kế tour	3
437	TOU430	Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện du lịch	3
438	MMC403	Thiết kế web	2
439	NAS203	Thống kê ứng dụng	3
440	ENG441	Thư tín thương mại	3
441	JAP491	Thư tín thương mại	2
442	AUD304	Thực tập cơ sở Kiểm toán	3
443	MAN426	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3
444	LOG408	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
445	ENG405	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3
446	FRE316	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Pháp	3
447	CHI456	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3
448	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3
449	MAN424	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3
450	HUR411	Thực tập cơ sở Quản trị nhân sự	3
451	ECO330	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3
452	MMC306	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3
453	PSY455	Thực tập cơ sở về quản trị nhân sự	2
454	PSY457	Thực tập cơ sở về trị liệu tâm lý	2
455	MAN427	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3
456	ECO425	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3
457	HUR412	Thực tập nghề nghiệp Quản trị nhân sự	3
458	ECO424	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3
459	TRA435	Thực tập nghiệp vụ 1	3
460	TRA436	Thực tập nghiệp vụ 2	3
461	TRA451	Thực tập nghiệp vụ du lịch 1	3
462	TRA452	Thực tập nghiệp vụ du lịch 2	3
463	FIN428	Thuế	3
464	BUS306	Thương mại điện tử	3
465	INT429	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3
466	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3
467	LOG403	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3
468	LAW416	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3
469	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3
470	HOS305	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3
471	ECO311	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3
472	ENG327	Tiếng Anh đọc 2	2
473	ENG429	Tiếng Anh đọc 3	3
474	TRA448	Tiếng Anh du lịch 2	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
475	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3
476	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3
477	ENG324	Tiếng Anh nghe - nói 2	2
478	ENG432	Tiếng Anh nghe - nói 3	3
479	ENG336	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2
480	ENG329	Tiếng Anh viết 2	2
481	ENG439	Tiếng Anh viết 3	3
482	KOR322	Tiếng Hàn bất động sản	2
483	KOR317	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2
484	KOR324	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2
485	KOR328	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3
486	KOR321	Tiếng Hàn du lịch	2
487	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3
488	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3
489	CHI429	Tiếng Hán hiện đại	3
490	KOR314	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2
491	KOR323	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2
492	KOR330	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2
493	JAP354	Tiếng Nhật công sở	2
494	JAP446	Tiếng Nhật công sở	2
495	JAP341	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2
496	JAP350	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2
497	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3
498	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3
499	JAP459	Tiếng Nhật lễ hành - khách sạn	2
500	JAP344	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2
501	JAP349	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2
502	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2
503	JAP351	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2
504	FRE306	Tiếng Pháp tổng hợp 4	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
505	FRE307	Tiếng Pháp tổng hợp 5	3
506	FRE414	Tiếng Pháp trong giao tiếp thương mại	3
507	FRE413	Tiếng Pháp trong nghiên cứu thị trường	3
508	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3
509	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3
510	CHI457	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3
511	CHI439	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3
512	CHI350	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2
513	CHI460	Tiếng Trung Quốc maketing	3
514	CHI346	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2
515	CHI348	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2
516	CHI342	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2
517	CHI344	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2
518	CHI461	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3
519	PUR443	Tiếp thị sự kiện	2
520	HOS429	Tiếp thị trong kinh doanh dịch vụ lưu trú	3
521	TOU431	Tiếp thị trong kinh doanh du lịch	2
522	TRA427	Tín ngưỡng phong tục và lễ hội Việt Nam	3
523	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3
524	TRA453	Tổ chức và điều hành tour	3
525	INT4301	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3
526	NAS202	Toán cao cấp	3
527	NAS310	Toán kỹ thuật	2
528	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2
529	TOU305	Tổng quan du lịch	2
530	TRA306	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2
531	HOS306	Tổng quan về quản trị khách sạn	2
532	TRA313	Tổng quan về quản trị sự kiện du lịch	3
533	COE306	Trắc địa	3
534	ART383	Trải nghiệm ngành, nghề	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
535	ACC303	Trải nghiệm ngành, nghề	1
536	AUD302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
537	BIO319	Trải nghiệm ngành, nghề	1
538	BUS308	Trải nghiệm ngành, nghề	1
539	CHI339	Trải nghiệm ngành, nghề	1
540	COE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
541	ECO306	Trải nghiệm ngành, nghề	1
542	ECO309	Trải nghiệm ngành, nghề	1
543	ELE319	Trải nghiệm ngành, nghề	1
544	ENE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
545	ENG308	Trải nghiệm ngành, nghề	1
546	FIN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1
547	FIN310	Trải nghiệm ngành, nghề	1
548	FOT319	Trải nghiệm ngành, nghề	1
549	FRE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
550	HOS307	Trải nghiệm ngành, nghề	1
551	HUR304	Trải nghiệm ngành, nghề	1
552	INR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
553	INT301	Trải nghiệm ngành, nghề	1
554	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề	1
555	JAP316	Trải nghiệm ngành, nghề	1
556	LAW302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
557	LIT312	Trải nghiệm ngành, nghề	1
558	MAN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1
559	MAR303	Trải nghiệm ngành, nghề	1
560	MMC302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
561	NUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
562	ORI302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
563	PRO302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
564	PSY314	Trải nghiệm ngành, nghề	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
565	PUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
566	SOC312	Trải nghiệm ngành, nghề	1
567	SUC302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
568	VIE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
569	TOU321	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1
570	HOS309	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2
571	TOU422	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1
572	HOS430	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2
573	PSY442	Trị liệu hệ thống	3
574	ECO417	Triển khai và ứng dụng TMĐT	3
575	POL105	Triết học Mác - Lênin	3
576	MAR432	Truyền thông báo chí	3
577	MAR433	Truyền thông đa phương tiện	3
578	MMC307	Truyền thông số	3
579	INR414	Truyền thông số trong quan hệ quốc tế	2
580	INT551	TTTN Công nghệ thông tin	5
581	ACC523	TTTN Kế toán	5
582	INT582	TTTN Khoa học máy tính	5
583	BUS537	TTTN Kinh doanh thương mại	5
584	ECO510	TTTN Kinh tế	5
585	ELE439	TTTN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	5
586	LOG501	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5
587	LAW501	TTTN Luật	5
588	MAR528	TTTN Marketing	5
589	MAN526	TTTN Quản trị kinh doanh	5
590	HUR513	TTTN Quản trị nhân sự	5
591	FIN537	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5
592	LIT546	TTTN Văn học	5
593	LAW427	Tư pháp quốc tế	3
594	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
595	LAW437	Tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động	2
596	LAW415	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2
597	LAW407	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2
598	LAW438	Tư vấn trong lĩnh vực đất đai	2
599	TOU318	Tuyến điểm du lịch	3
600	TOU306	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3
601	MMC410	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3
602	MMC425	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3
603	ACC304	Ứng dụng Excel trong kế toán	3
604	ACC305	Ứng dụng phần mềm kế toán	3
605	MAR436	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong Marketing	3
606	HOS432	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3
607	SOC314	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu KHXH	3
608	BIO465	Vaccine và ứng dụng vaccine	3
609	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3
610	TOU324	Văn hóa ẩm thực	3
611	ENG493	Văn hóa Anh - Mỹ	2
612	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp	3
613	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2
614	LIT314	Văn học Nga	2
615	JAP483	Văn học Nhật Bản	2
616	LIT331	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	2
617	LIT317	Văn học Trung Quốc	2
618	MMC305	Văn học ứng dụng	3
619	LIT330	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	2
620	LIT327	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	2
621	NAS204	Vật lý đại cương	3
622	NUR405	Vi sinh	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
623	BIO306	Vi sinh học	3
624	PUR415	Viết bài PR và thông cáo báo chí	3
625	PUR425	Viết và biên tập tin	2
626	SOC426	Xã hội học báo chí	3
627	SOC454	Xã hội học đô thị	3
628	SOC455	Xã hội học nông thôn	3
629	SOC436	Xã hội học quản lý	3
630	SOC456	Xã hội học tổ chức	2
631	JAP484	Xã hội Nhật Bản đương đại	2
632	INT4491	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	3
633	MAR437	Xây dựng kế hoạch bán hàng	3
634	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2
635	MAR430	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3

Danh sách gồm 635 học phần./.